

**Phụ lục số 16: Thông báo về giá trị tài sản ròng quỹ đóng**  
**Appendix No.16: Net Asset Value Report for Closed-end Fund**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)  
 (Issued with Circular No. 224/2012/TT-BTC of December 26th, 2012 from the Ministry of Finance's guidance on the establishment and management of closed-end fund, private fund)

**Giá trị tài sản ròng quỹ**  
**Net Asset Value of the Fund**

(tuần từ ngày 25/05/2018 đến 31/05/2018)  
 (Reporting period: from May 25th, 2018 to May 31st, 2018)

**1. Tên công ty quản lý quỹ:** Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt  
*Fund Management Company: Thien Viet Asset Management JSC*

**2. Tên ngân hàng giám sát:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành  
*Custodian and Supervisory Bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch*

**3. Tên quỹ:** Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM  
*Name of the fund: TVAM Growth Fund (TVGF)*

**4. Ngày lập báo cáo:** 01/06/2018  
*Reporting date: June 1st, 2018*

**Đơn vị tính/Unit: VND/%**

STT No.	CHỈ TIÊU DESCRIPTION	KỶ BÁO CÁO REPORTING PERIOD (31/05/18)	KỶ TRƯỚC PREVIOUS PERIOD (24/05/18)
<b>A</b>	<b>Giá trị tài sản ròng</b> <i>Net asset value (NAV)</i>		
<b>A.1</b>	<b>Giá trị tài sản ròng đầu kỳ</b> <i>Net asset value (NAV) at the beginning of period</i> của quỹ/the fund	195,404,653,838	208,677,967,612
	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	13,027	13,912
<b>A.2</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ (*)</b> <i>Net asset value (NAV) at the ending of period</i> của quỹ /the fund	192,391,906,855	195,404,653,838
	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	12,826	13,027
<b>A.3</b>	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó</b> <i>Change in NAV per certificate during the period, in which</i> Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/ <i>Change due to the fund's investment activities</i>	-201	-885
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/ <i>Change due to the fund's income distribution for investors</i>	0	0
<b>A.4</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/Lowest NAV within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	226,442,947,993	226,442,947,993
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	192,391,906,855	194,600,661,502
<b>B</b>	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ</b> <i>Market value per certificate (closing price of the reporting day)</i>		
<b>B.1</b>	<b>Giá trị đầu kỳ</b> <i>Beginning value</i>	13,600	13,600
<b>B.2</b>	<b>Giá trị cuối kỳ</b> <i>Ending value</i>	10,350	13,600
<b>B.3</b>	<b>Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước</b> <i>Change in market value, compared with the previous period</i>	-3250	0
<b>B.4</b>	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/Difference between the unit's market price and its NAV</b>		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)**	-2476	573
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ <i>Relative difference (level of discount (-)/surplus (+))***</i>	-19.30%	4.40%
<b>B5</b>	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/ Lowest market value within the nearest 52 weeks</i>		
	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	14,500	14,500
	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	9,500	9,500

\* Trong Tháng 11/2017, Quỹ TVGF đã trả 15 tỷ đồng (1,000 đồng/Chứng chỉ quỹ) lợi tức bằng tiền năm 2017 cho Nhà Đầu Tư/  
*In November 2017, TVGF paid 2017 cash dividend of 15 billion dong to shareholders (1,000 dong/fund certificate).*

\* Trong Tháng 12/2017, Quỹ TVGF đã trả 12.8 tỷ đồng phí thưởng vượt lợi nhuận tiêu chuẩn năm 2017 cho Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)/In December 2017, TVGF paid 2017 performance bonus of 12.8 billion dong to TVAM.

Lưu ý/Notes

\* Tính gộp các khoản thanh toán trên giá trị tài sản ròng của quỹ TVGF tăng 56% trong năm 2017/Included these above payments, NAV of TVGF increased by 56% in 2017.

\*\* Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – NAV cùng thời điểm)/Defined by the differences (market price - NAV at the same period);

\*\*\* Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường – NAV)/NAV/Defined by the ratio (market value - NAV)/NAV

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
*Authorized Representative of Supervisory bank*

  
 NGÂN HÀNG  
 THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
 ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM  
 CHI NHÁNH HÀ THÀNH  
 KẾ MỸ LINH  
 Phó Giám đốc/Deputy Director

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ  
*Authorized Representative of Fund management*

  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 QUẢN LÝ QUỸ  
 THIÊN VIỆT  
 NGUYỄN THANH THẢO  
 Chủ tịch HĐQT/Chairman